

PHONG CÁCH HỌC TẬP CỦA HỌC SINH VÀ VẬN DỤNG TRONG DẠY HỌC SINH HỌC 9 TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

ThS. TRẦN VĂN THẾ*

Ngày nhận bài: 25/04/2016; ngày sửa chữa: 26/04/2016; ngày duyệt đăng: 26/04/2016.

Abstract: Teaching students how to learn instead of cramming knowledge is an important task of modern education. One of modern teaching methods is mentioned in this article is learning style model, with five groups of issue and the application of this method requires the identification of needs and learning styles of learners. The article also gives a model lesson plan to apply this method for teaching biology grade 9 at secondary schools.

Keywords: Learning styles, learning styles model, teaching.

Đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) hiện nay là đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực của người học; người học được chủ động chiếm lĩnh tri thức, chủ động điều khiển hoạt động học của mình, đặc biệt là được học theo sở trường, theo phong cách cá nhân. Việc hiểu rõ phong cách cá nhân của người học giúp người dạy linh hoạt hơn trong thiết kế các hoạt động dạy học (DH) nhằm tích cực hóa hoạt động học, đồng thời phát huy được năng lực, sở trường riêng của từng cá nhân người học. Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu phong cách học tập (PCHT) của người học là cần thiết trong xu thế hiện nay - khi mà quá trình DH hướng tới dạy học sinh (HS) cách học và học tập suốt đời.

1. Phong cách học tập

1.1. Khái niệm: PCHT (*Learning Styles*) là một lý thuyết học tập hiện đại đang được quan tâm hiện nay. Khái niệm đầu tiên có liên quan đến PCHT là "kiểu nhận thức" (cognitive styles) do Gordon Allport đưa ra từ những năm 30 của thế kỉ XX. Từ những năm 1960, các nghiên cứu về PCHT mới bắt đầu được tiến hành.

Trên thế giới hiện nay có nhiều mô hình PCHT khác nhau, tác giả của mỗi mô hình khi xây dựng lý thuyết của mình lại lấy một định nghĩa riêng cho PCHT. Qua nghiên cứu các quan điểm về PCHT, có thể nhận thấy các nội dung cốt lõi của PCHT như sau: - PCHT là những đặc điểm riêng của cá nhân; - PCHT bao gồm các đặc điểm về nhận thức, xúc cảm, sinh lý; - PCHT chỉ ra cách thức ưu thế của cá nhân tiếp nhận, xử lý và lưu giữ thông tin trong môi trường học tập; - PCHT tương đối bền vững.

1.2. Các mô hình PCHT: Thuật ngữ mô hình PCHT (*Learning Styles model*) được nhắc đến nhiều

trong nghiên cứu của các tác giả trên thế giới, ví dụ: mô hình PCHT của Kolb, Witkin, Dunn,...

Trên thực tế, có nhiều mô hình PCHT, mỗi tác giả xây dựng nên một hệ thống quan điểm riêng về PCHT dựa trên một nền tảng lý thuyết khác nhau, cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, các tài liệu trong và ngoài nước chỉ sử dụng mà không đưa ra định nghĩa cụ thể cho thuật ngữ này. Qua nghiên cứu các tài liệu, chúng tôi đưa ra giải thích thuật ngữ *mô hình PCHT* như sau: *Mô hình PCHT là hệ thống các quan điểm về lý thuyết PCHT của một tác giả nhất định, trong đó bao gồm các luận điểm về lý thuyết PCHT theo cách tiếp cận của tác giả đó, cách phân chia các loại PCHT và bộ công cụ điều tra PCHT do tác giả đó xây dựng.* Mỗi một mô hình PCHT là những quan điểm của mỗi tác giả nghiên cứu về vấn đề này. Mô hình PCHT của các tác giả có thể hoàn toàn khác nhau về quan điểm lý thuyết, cách phân loại PCHT nhưng trong một số trường hợp, có sự kế thừa, phát triển của một mô hình đã có.

Theo nghiên cứu của Coffield, hiện nay có 71 mô hình PCHT đã được xây dựng và công bố, các nghiên cứu này tập trung theo 5 nhóm vấn đề (Coffield, 2004): 1) Nhóm các mô hình PCHT dựa trên yếu tố gen - môi trường; 2) Nhóm mô hình PCHT phản ánh các đặc điểm bên trong của cấu trúc nhận thức; 3) Nhóm mô hình PCHT dựa trên các kiểu nhân cách bền vững; 4) Nhóm mô hình PCHT dựa trên các chiến lược, cách tiếp cận học tập; 5) Nhóm mô hình PCHT dựa trên các ưu thế linh hoạt trong học tập.

Qua phân tích và đánh giá 5 nhóm mô hình PCHT, chúng tôi lựa chọn nhóm mô hình PCHT dựa trên

* Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

các ưu thế linh hoạt trong học tập, trong đó dựa trên kết quả phân loại PCHT của hai tác giả Honey và Mumford làm cơ sở nghiên cứu. Bởi vì, thực hiện phân loại PCHT của Honey và Mumford không chỉ dựa trên nền tảng cơ sở sinh học là “*bộ máy học*”[1] của người học mà còn chú ý đến các yếu tố văn hóa, xã hội và kinh nghiệm của người học, coi đó là những yếu tố ảnh hưởng và có thể làm thay đổi PCHT của người học. Ngoài ra, cách phân loại của Honey và Mumford cho phép xác định rõ kỹ năng học tập nổi trội, thói quen và cách sử dụng giá trị cá nhân (kinh nghiệm) của người học trong hoạt động học tập.

Năm 1992, Honey và Mumford định nghĩa PCHT là *sự mô tả thái độ và hành vi mà qua đó nó xác định cách học ưa thích của mỗi cá nhân* [2; tr 10]. Bốn PCHT được mô tả bao gồm: phong cách hoạt động (người hoạt động), phong cách phản ánh (người suy ngẫm), phong cách lí luận (người lí thuyết) và phong cách thực tế (người thực tế). Đặc điểm của người học tương ứng với các PCHT khác nhau là cơ sở đặt nền tảng cho việc thiết kế các hoạt động DH nhằm phát huy tối đa ưu điểm của từng PCHT của người học, từ đó giúp người học tự chiếm lĩnh tri thức.

2. Vận dụng mô hình PCHT trong DH Sinh học 9 trường THCS

Vận dụng những hiểu biết về mô hình PCHT, chúng tôi xây dựng quy trình DH phần *Di truyền học (Sinh học 9)* gồm 3 giai đoạn: 1) Phân loại PCHT của HS; 2) Chuẩn bị bài lên lớp theo PCHT; 3) Tổ chức bài lên lớp theo PCHT.

Để minh họa cho quy trình này, chúng tôi lấy ví dụ thiết kế một hoạt động cụ thể như sau: “*Tim hiểu những diễn biến cơ bản của nhiễm sắc thể (NST) trong quá trình nguyên phân*” (Mục II, Bài 9 - Nguyên phân, Sinh học 9).

* Giai đoạn 1: Phân loại PCHT của HS

Trước khi học, giáo viên (GV) tổ chức cho HS làm trắc nghiệm theo bộ test của Honey và Mumford. Sau khi HS hoàn thành bài trắc nghiệm, GV phân loại được 4 kiểu PCHT được đặt tên lần lượt là: - Nhóm PCHT “H” gồm các HS có PCHT kiểu *hành động* (Activist); - Nhóm PCHT “P” gồm các HS có PCHT kiểu *phản ánh* (Reflector); - Nhóm PCHT “L” gồm các HS có PCHT kiểu *lí thuyết* (Theorist); - Nhóm PCHT “T” gồm các HS có PCHT kiểu *thực tế* (Pragmatist).

* Giai đoạn 2: Chuẩn bị bài lên lớp theo PCHT

- **Bước 1. Xác định mục tiêu:** Về kiến thức, cần:
+ Mô tả được những diễn biến cơ bản của NST ở kì

trung gian và qua các kì của quá trình nguyên phân;
+ Vận dụng được kiến thức trong giải bài tập về quá trình phân bào.
Về kĩ năng: + Rèn luyện được kĩ năng hoạt động nhóm, quan sát tranh thu nhận kiến thức, vẽ hình, đọc hiểu văn bản; + Phát triển được các năng lực tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp.
Về thái độ: Có thái độ tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập.

- Bước 2. Thiết kế hoạt động dạy - học theo PCHT:

+ **Xác định nội dung DH:** Mục này giúp HS biết được những diễn biến cơ bản của NST qua kì trung gian và các kì của quá trình nguyên phân, giải thích được tại sao người ta gọi quá trình phân bào này là quá trình nguyên phân và kết quả của quá trình nguyên phân là gì.

+ **Xác định phương pháp và hình thức tổ chức DH:** Lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức DH cho từng mô hình PCHT của HS, trong đó, phương pháp và hình thức tổ chức DH chung là *DH hợp tác theo nhóm nhỏ*.

+ **Lựa chọn phương tiện và môi trường DH:** Kê bàn ghế trong lớp theo nhóm học tập, có 4 loại nhóm, số lượng nhóm tùy thuộc vào số HS và số lượng HS theo các PCHT khác nhau (khoảng 5-7 HS/nhóm). Khi đó sẽ có các nhóm H1, H2, H3,... P1, P2, P3,... L1, L2, L3,... T1, T2, T3,... Chuẩn bị máy tính, máy chiếu projector, giấy A0, bút dạ, băng dính. Chuẩn bị phiếu học tập: Phiếu trắc nghiệm PCHT theo Honey và Mumford, Phiếu học tập số 1 dành cho nhóm PCHT kiểu “H”, Phiếu học tập số 2 dành cho nhóm PCHT kiểu “P”, Phiếu học tập số 3 dành cho nhóm PCHT kiểu “L”, Phiếu học tập số 4 dành cho nhóm PCHT kiểu “T”. Các phiếu học tập này được thiết kế như sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ...

1. **Tên hoạt động:** *Tim hiểu diễn biến cơ bản của NST trong quá trình nguyên phân*

2. Mục tiêu hoạt động:

* **Kiến thức:** Mô tả được diễn biến cơ bản của NST ở kì trung gian và qua các kì của quá trình nguyên phân.

* **Kĩ năng:** Rèn luyện được kĩ năng hoạt động nhóm, vẽ hình, đọc hiểu văn bản. Phát triển được các năng lực tư duy: phân tích, so sánh, tổng hợp.

* **Thái độ:** Có thái độ tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập.

3. Thời gian hoạt động: 10 phút

4. **Nội dung hoạt động:** Cả 4 phiếu học tập đều giống nhau ở các mục 1, 2, 3. Chỉ khác nhau ở mục 4, cụ thể:

- Phiếu học tập số 1:

1/ Các em hãy vẽ hình thể hiện sự biến đổi hình thái NST qua các kì (kì trung gian, kì đầu, kì giữa, kì sau, kì cuối) và sự hình thành, biến mất của thoi phân bào, màng nhân.

2/ Hãy cho biết kết quả của quá trình nguyên phân. Tại sao gọi quá trình phân bào này là quá trình nguyên phân?

- Phiếu học tập số 2:

Các em nghiên cứu nội dung Mục II, Bài 9 - Nguyên phân (Sinh học 9), hãy:

1/ Mô tả hình thái NST ở kì trung gian và đặc điểm của NST ở cuối kì trung gian.

2/ Điền thông tin để hoàn thành bảng 9.2 trong sách giáo khoa.

3/ Cho biết kết quả của quá trình nguyên phân.

4/ Giải thích tại sao gọi quá trình phân bào này là quá trình nguyên phân.

- Phiếu học tập số 3:

Các em hãy nghiên cứu nội dung sau và trả lời các câu hỏi tương ứng:

“Chu kì tế bào gồm kì trung gian và quá trình phân bào nguyên nhiễm (nguyên phân). Kì trung gian là thời kì sinh trưởng của tế bào, trong đó NST ở dạng sợi dài mảnh duỗi xoắn và diễn ra sự tự nhân đôi. Khi kết thúc kì trung gian, tế bào bước vào quá trình phân bào nguyên nhiễm (nguyên phân)”. *Hãy cho biết, NST ở kì trung gian có đặc điểm như thế nào?*

“Trong quá trình nguyên phân, tế bào diễn ra quá trình phân chia nhân và phân chia tế bào chất, được diễn tiến qua 4 kì: kì đầu, kì giữa, kì sau, kì cuối. Ở kì đầu, trung tử di chuyển về hai cực của tế bào, thoi phân bào được hình thành và gắn với NST tại tâm động. Thoi phân bào có vai trò quan trọng đối với sự di chuyển của NST trong quá trình phân bào. Màng nhân và nhân con tiêu biến. Các NST kép bắt đầu co ngắn và đóng xoắn, có hình thái rõ rệt”. *Hãy cho biết, kì đầu của nguyên phân có những đặc điểm gì nổi bật?*

“Ở kì giữa, NST tiếp tục đóng xoắn và co ngắn cực đại, có hình dạng đặc trưng cho loài và tập trung thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào. Ở kì sau, 2 crômatit trong NST kép tách nhau ở tâm động hình thành nên 2 NST đơn và di chuyển về 2 cực của tế bào nhờ sự co rút của sợi tơ vô sắc của thoi phân bào”. *Kì giữa và kì sau của nguyên phân có đặc điểm gì nổi bật?*

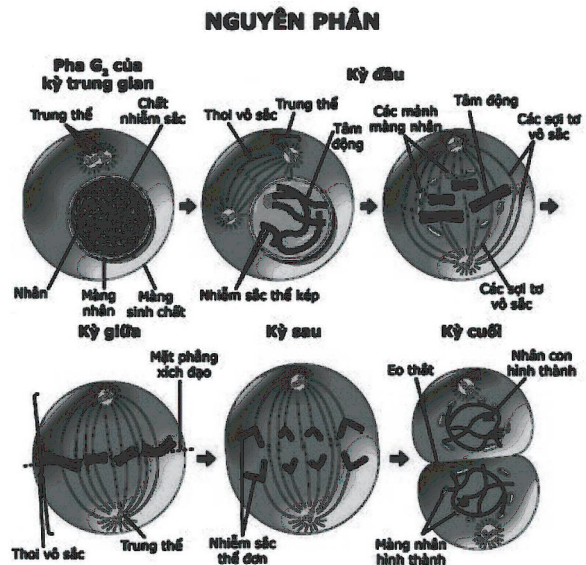
“Ở kì cuối, các NST đơn di chuyển tới 2 cực tế bào và bắt đầu tháo xoắn, dài ra ở dạng sợi mảnh. Thoi vô sắc biến mất. Màng nhân và nhân con xuất hiện. Kết thúc quá trình nguyên phân và tế bào lại bắt đầu một

chu kì mới. Kết quả là, từ 1 tế bào ban đầu tạo ra 2 tế bào con có bộ NST giống hệt tế bào mẹ ban đầu (2n NST)”. *Đặc điểm nổi bật của kì cuối nguyên phân là gì? Hãy cho biết kết quả của quá trình nguyên phân. Tại sao gọi quá trình phân bào này là quá trình nguyên phân?*

- Phiếu học tập số 4:

Các em hãy nghiên cứu những thông tin sau:

“Trong thực tế, khi quan sát sự phân chia tế bào dưới kính hiển vi ở 1 loài sinh vật có bộ NST 2n = 4, người ta đã mô tả được bằng hình ảnh sau:



Bằng những hiểu biết của mình và sự phân tích hình ảnh, nghiên cứu thông tin ở Mục II, Bài 9 - Nguyên phân (Sinh học 9), em hãy:

1/ Hoàn thành bảng sau: (xem bảng bên)

2/ Cho biết kết quả của quá trình nguyên phân. Tại sao gọi quá trình phân bào này là quá trình nguyên phân?

Kì	Số NST đơn	Số NST kép	Số Crômatit	Sự biến đổi hình thái NST
Kì trung gian				
Kì đầu				
Kì giữa				
Kì sau				
Kì cuối				

*** Giai đoạn 3: Tổ chức bài học lên lớp theo PCHT**

- Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập (01 phút): Sau khi xác định được PCHT của từng cá nhân, GV sẽ tiến hành chia HS vào các nhóm theo PCHT một cách ngẫu nhiên. Phân công nhóm trưởng và thư kí

(hoặc tự các nhóm bầu nhóm trưởng và thư kí). Khi đó sẽ có các nhóm được đặt tên là H1, H2,..., P1, P2,..., L1, L2,..., T1, T2,...; GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm và cá nhân HS, cụ thể:

+ Nhiệm vụ cá nhân: Nghiên cứu nội dung Mục II, Bài 9 - Nguyên phân (**Sinh học 9**).

+ Nhiệm vụ nhóm: Sau khi nghiên cứu cá nhân, tiến hành làm việc nhóm theo yêu cầu trong phiếu học tập.

+ Thảo luận toàn lớp: Sau khi các nhóm thảo luận xong, tiến hành thảo luận toàn lớp với sự tham gia báo cáo và tranh luận của đại diện các nhóm về nội dung bài học.

- **Bước 2. Nghiên cứu cá nhân** (03 phút): Cá nhân HS tiến hành nghiên cứu nội dung Mục II, Bài 9 - Nguyên phân (**Sinh học 9**) trong 05 phút.

- **Bước 3. Thảo luận nhóm** (10 phút): Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận theo yêu cầu của phiếu học tập. Thư kí ghi chép nội dung thảo luận và hoàn thiện sản phẩm thảo luận của nhóm (Phiếu học tập đính kèm).

- **Bước 4. Thảo luận toàn lớp** (10 phút): Sau khi các nhóm hoàn thành nhiệm vụ, GV tổ chức cho đại diện các nhóm trình bày, điều khiển quá trình thảo luận. Cho cả lớp xem video clip về quá trình nguyên phân để chuẩn hóa tri thức (có clip kèm theo).

- **Bước 5. Kết luận** (03 phút): Đặc điểm NST ở kì trung gian; những diễn biến cơ bản của NST qua các kì của quá trình nguyên phân; kết quả của quá trình nguyên phân.

- **Bước 6. Vận dụng** (03 phút): Cho HS làm bài tập vận dụng sau: 1) Những biến đổi hình thái của NST được biểu hiện qua sự đóng và duỗi xoắn ở những kì nào? Tại sao nói sự đóng và duỗi xoắn của NST có tính chất chu kì?; 2) Ở ruồi giấm ($2n=8$). Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của nguyên phân. Số NST trong tế bào đó bằng bao nhiêu?

- **Bước 7. Giao nhiệm vụ học tập mới:** Nghiên cứu trước những diễn biến cơ bản của NST trong quá trình giảm phân và hoàn thành bảng sau. Chỉ ra những điểm giống và khác nhau của quá trình nguyên phân và giảm phân.

Các kì	Những diễn biến cơ bản của NST	
	Lần phân bào I	Lần phân bào II
Kì đầu		
Kì giữa		
Kì sau		
Kì cuối		

DH theo hướng phân hóa người học đang là xu thế của DH hiện đại, trong đó DH theo PCHT của HS là một hướng tiếp cận. Trên cơ sở tìm hiểu về lí thuyết mô hình PCHT, chúng tôi đã xây dựng quy trình vận dụng quan điểm này trong DH, từ đó thiết kế các hoạt động DH theo các PCHT của HS và đưa vào thực tiễn tổ chức quá trình DH **Sinh học 9**. Những kết quả bước đầu thu được cho thấy, trong quá trình DH, người dạy cần quan tâm đến PCHT của đối tượng người học để họ có điều kiện phát huy được năng lực sở trường và khắc phục những hạn chế của cá nhân trong quá trình học tập, nói cách khác là DH phải phù hợp với PCHT của từng HS. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Madeleine Roy - Jean-Marc Denomme (2009). *Sự phạm tương tác - một tiếp cận khoa học thần kinh về học và dạy* (Trịnh Văn Minh - Đặng Hoàng Minh - Nguyễn Chí Thành dịch - Nguyễn Thị Mỹ Lộc hiệu đính). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Mumford, A. - Honey, P. (1992). *Questions and answers on Learning Styles Questionnaire, Industrial and Commercial Training*, 24 (7), 10-13. MCB University Press.
- [3] Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2011). *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sự phạm tương tác*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Đặng Thành Hưng (2006). *Tương tác hoạt động Thầy - Trò trên lớp học*. NXB Giáo dục.
- [5] Đỗ Thế Hưng (2015). *Dạy học theo tiếp cận "CDIO" trong đào tạo giáo viên kĩ thuật trình độ đại học*. Luận án tiến sĩ. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [6] Robert J. Marzano - Jana S. Marzano - Debra J. Pickering (người dịch: Phạm Trần Long) (2011). *Quản lí hiệu quả lớp học*. NXB Giáo dục Việt Nam.

THÔNG BÁO

Căn cứ Kế hoạch phát triển Tạp chí Giáo dục giai đoạn 2016-2020, căn cứ công văn số 37/HĐCDGSNN ngày 4/4/2016 của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước, từ tháng 6/2016, Tạp chí Giáo dục sẽ **không ghi học hàm, học vị của tác giả trong bài báo khoa học**.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC